

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2023/DS-ST.
Ngày: 27 - 10 - 2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường.
2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Giang - Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 27 tháng 10 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Kim L, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số nhà F, đường N, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Tiến D, sinh năm 1965; địa chỉ: Số F, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Hồ N là luật sư của Công ty L2 và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh V.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Mai L1, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số nhà B, Khóm D, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/5/2023, 12/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Tiến D1 là đại diện nguyên đơn bà Hoàng Thị Kim L trình bày như sau:

Giữa bà Hoàng Thị Kim L (nguyên đơn) và bà Trần Thị Mai L1 (bị đơn) có quen biết với nhau từ trước nên bị đơn vay tiền của nguyên đơn rất nhiều lần, mục đích vay là để cho con đi học, mua xe cho con đi làm, trả tiền ngân hàng và mua hàng hóa bán tết. Tổng số tiền bị đơn đã vay là 350.000.000 đồng cụ thể qua các lần:

Ngày 25/12/2020 vay 100.000.000 đồng.

Ngày 13/01/2021 vay 50.000.000 đồng.

Ngày 13/02/2021 vay 20.000.000 đồng.

Ngày 13/3/2021 vay 30.000.000 đồng.

Ngày 26/3/2021 vay 20.000.000 đồng.

Ngày 11/4/2021 vay 30.000.000 đồng.

Ngày 12/5/2021 vay 20.000.000 đồng.

Ngày 07/6/2021 vay 30.000.000 đồng.

Ngày 02/7/2021 vay 50.000.000 đồng.

Tất cả các lần vay trên giữa nguyên đơn và bị đơn không có làm hợp đồng chỉ làm biên nhận ngày 25/12/2020, sau đó khi bị đơn vay thêm những lần sau thì chỉ ghi ngày tháng năm nhận thêm số tiền là bao nhiêu và bị đơn ký tên vào. Tất cả chữ viết trong biên nhận và ghi thêm là của nguyên đơn, chữ ký và chữ viết tên Trần Thị Mai L1 là của bị đơn. Trong tất cả các biên nhận không có ghi lãi suất nhưng giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 2%/ tháng. Từ khi bắt đầu vay ngày 25/12/2020 đến ngày 02/7/2021 bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn được 7.500.000 đồng và nguyên đơn đồng ý trừ 15.000.000 đồng tiền vốn cho những lần nguyên đơn mua thức ăn sáng của bị đơn kể từ tháng 01/2022 đến 17/4/2023. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn 335.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi 0.83%/tháng kể từ ngày 02/9/2021 đến ngày xét xử.

Vào ngày 25/12/2020 khi bị đơn vay lần đầu tiên bị đơn có đưa cho nguyên đơn 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 564734 do Ủy ban nhân dân thị xã V cấp cho hộ bà Hồng Thị Ú vào ngày 03/7/2002 đối với thửa đất số 328, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại Khóm C, Phường D, thị xã V và bản di chúc ngày 23/11/2004 của bà Hồng Thị Út . Nguyên đơn tự nguyện trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bản di chúc trên cho bị đơn sau khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 350.000.000 đồng, nhưng các lần vay thì ngày tháng vay với số tiền vay khác nhau, cụ thể:

- Ngày 09/6/2020 vay 30.000.000 đồng.

- Ngày 25/12/2020 vay 20.000.000 đồng.

- Tháng 01/2021 vay 50.000.000 đồng.

- Ngày 13/02/2021 vay 20.000.000 đồng.

- Ngày 13/3/2021 vay 30.000.000 đồng.
- Ngày 13/4/2021 vay 50.000.000 đồng.
- Ngày 12/5/2021 vay 50.000.000 đồng.
- Ngày 17/6/2021 vay 50.000.000 đồng.
- Ngày 18/7/2021 vay 50.000.000 đồng.

Trong thời gian từ khi vay cho đến tháng 09/2021 bị đơn có đóng lãi cho nguyên đơn các lần như sau:

Từ tháng 07/2020 đến tháng 12/2020 đóng lãi 9%/ tháng trên số tiền 30 triệu đồng, mỗi tháng là 2.700.000 đồng. Tổng cộng 16.200.000 đồng.

Tháng 01/2021 đóng 4.500.00 đồng tiền lãi (lãi 9%/ tháng).

Tháng 02/2021 đóng 6.300.000 triệu đồng tiền lãi (lãi 9%/ tháng).

Tháng 3/2021 đóng 9.000.000 đồng tiền lãi (lãi 9%/ tháng).

Tháng 4/2021 đóng 13.500.000 đồng tiền lãi (lãi 9%/ tháng).

Tháng 5/2021 đóng 15.000.000 đồng tiền lãi (lãi xuống 7.5%/tháng).

Tháng 6/2021 đóng 18.000.000 đồng tiền lãi (lãi xuống 7.5%/tháng).

Tháng 7/2021 đóng 22.500.000 đồng tiền lãi (lãi xuống 7.5%/tháng).

Sau đó, bị đơn đóng thêm 02 lần, một lần 4.000.000 đồng và một lần 5.000.000 đồng nhưng bị đơn không nhớ ngày tháng đóng.

Tổng cộng bị đơn đã đóng lãi từ tháng 6/2020 đến nay là 114.000.000 đồng.

Từ tháng 01/2022 đến 17/4/2023 nguyên đơn lấy đồ ăn sáng của bị đơn để trừ vào tiền lãi, mỗi lần là 02 phần, 03 phần có khi là 04 phần mỗi phần là 25.000 đồng. Bị đơn không có ghi sổ bị đơn tính mỗi tháng là 1.000.000 đồng, tổng cộng là 15 tháng tương đương là 15.000.000 đồng.

Tổng cộng bị đơn vừa đóng lãi vừa trừ tiền thức ăn sáng cho nguyên đơn là 129.000.000 đồng.

Bị đơn yêu cầu nguyên đơn trừ số tiền lãi bị đơn đã đóng vào tiền vốn 350.000.000 đồng, bị đơn sẽ trả số tiền còn lại và đồng ý mức lãi suất 0.83%/ tháng kể từ tháng 09/2021 cho đến khi xét xử.

Yêu cầu nguyên đơn trả lại cho bị đơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 564734 do Ủy ban nhân dân thị xã V cấp cho hộ bà Hồng Thị Ú vào ngày 03/7/2002 và bản di chúc ngày 23/11/2004 của bà Hồng Thị Út .

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vốn 335.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi kể từ ngày 02/9/2021 đến ngày 27/10/2023 với mức lãi suất là 0,83%/ tháng:

$335.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 25 \text{ tháng} = 71.829.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng vốn lãi là 335.000.000 đồng + 71.829.000 đồng = 406.829.000 đồng.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu được trừ 124.000.000 đồng tiền lãi đã đóng và 15.000.000 đồng tiền thức ăn sáng mà nguyên đơn đã mua của bị đơn vào số tiền vốn, đồng ý mức lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày 02/9/2021 đến ngày 10/7/2023 (ngày thụ lý vụ án).

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu: Đền N2 Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vốn là 335.000.000 đồng, lãi 71.829.000 đồng tính từ ngày 02/9/2021 đến ngày 27/10/2023. Căn cứ chứng minh cho yêu cầu này là các biên nhận mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa, tại biên nhận ngày 25/12/2020, có thể hiện việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn, những lần sau ghi lấy thêm hoặc hỏi thêm thì giữa nguyên đơn và bị đơn ngầm hiểu là vay thêm, tại phiên tòa bị đơn cũng thừa nhận là vay của nguyên đơn không phải là mượn. Đối với mức lãi suất các bên tự thỏa thuận miệng với nhau không ghi trong biên nhận, do đó tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Nguyên đơn thừa nhận đã nhận của bị đơn 7.500.000 đồng tiền lãi của các khoản vay cho đến ngày 02/9/2021, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đồng ý trừ số tiền lãi này cho đến ngày 02/9/2021, nguyên đơn không yêu cầu nhận thêm, lí do nguyên đơn tính đến ngày 02/9/2021 là sau khi mượn thêm 50.000.000 đồng ngày 02/7/2021 bị đơn hứa đến ngày 02/9/2021 bị đơn sẽ trả vốn và lãi của tất cả các biên nhận cho nguyên đơn, do đó từ ngày 02/9/2021 đến ngày xét xử nguyên đơn tính lãi trên số tiền vốn của các biên nhận. Bị đơn cho rằng bị đơn đã đóng lãi theo lãi suất 9%/ tháng, sau đó 7,5%/ tháng nhưng bị đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trừ lãi vào vốn của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vốn, lãi mà bị đơn đã vay. Do đó, đây là vụ án tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn thành phố V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn là 335.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại các biên nhận:

Ngày 25/12/2020 vay 100.000.000 đồng.

Ngày 13/01/2021 vay 50.000.000 đồng.

Ngày 13/02/2021 vay 20.000.000 đồng.

Ngày 13/3/2021 vay 30.000.000 đồng.

Ngày 26/3/2021 vay 20.000.000 đồng.

Ngày 11/4/2021 vay 30.000.000 đồng.

Ngày 12/5/2021 vay 20.000.000 đồng.

Ngày 07/6/2021 vay 30.000.000 đồng.

Ngày 02/7/2021 vay 50.000.000 đồng.

Tuy không thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền trên mà là chỉ mượn sau đó có hỏi thêm hoặc lấy thêm nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 350.000.000 đồng, chữ ký và chữ viết tên là của bị đơn, nhưng bị đơn không thừa nhận các ngày vay và số tiền vay theo từng biên nhận là đúng, nhưng bị đơn không chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, việc bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 350.000.000 đồng là thật theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đồng ý trừ 15.000.000 đồng tiền thức ăn sáng mà nguyên đơn đã mua của bị đơn vào tiền vốn nên số tiền vốn còn lại 335.000.000 đồng cho nên căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đồng ý trừ 7.500.000 đồng tiền lãi đã nhận trên các biên nhận từ khi vay cho đến ngày 02/9/2021 và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 02/9/2021 trên tổng số tiền vốn là 335.000.000 đồng đến ngày 27/10/2023 với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.2.1] Bị đơn cho rằng nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền trên ban đầu lãi suất là 9%/tháng trên từng biên nhận nhưng đến tháng 05/2021 chỉ còn 7,5%/tháng, bị đơn đã đóng lãi cho nguyên đơn đến tháng 09/2021 tổng cộng là 114.000.000 đồng nên yêu cầu được trừ tiền lãi qua vốn, số tiền vốn còn lại bị đơn đồng ý mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 02/9/2021 đến ngày 10/7/2023 (ngày thụ lý vụ án) nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn không có căn cứ chứng minh cho lời trình bày và yêu cầu của mình do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

[2.2.2] Đại diện nguyên đơn trình bày nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền trên không có ghi lãi suất trong biên nhận nhưng có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 2%/ tháng, kể từ ngày vay cho đến ngày 02/9/2021 bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn 7.500.000 đồng tiền lãi, cho nên nguyên đơn đồng ý nhận số tiền lãi này kể từ ngày vay của từng biên nhận cho đến ngày 02/9/2021 trong khi số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn trong thời gian này là:

Khoản vay 100.000.000 đồng từ ngày ngày 25/12/2020 đến ngày 02/9/2021 là: $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} = 6.860.800 \text{ đồng}.$

Khoản vay 50.000.000 đồng từ ngày ngày 13/01/2021 đến ngày 02/9/2021
là: $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng} = 3.181.000 \text{ đồng}$.

Khoản vay 20.000.000 đồng từ ngày ngày 13/02/2021 đến ngày 02/9/2021
là: $20.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng} = 1.106.000 \text{ đồng}$.

Khoản vay 30.000.000 đồng từ ngày ngày 13/03/2021 đến ngày 02/9/2021
là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 05 \text{ tháng} = 1.411.000 \text{ đồng}$.

Khoản vay 20.000.000 đồng từ ngày ngày 26/03/2021 đến ngày 02/9/2021
là: $20.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 05 \text{ tháng} = 868.500 \text{ đồng}$.

Khoản vay 30.000.000 đồng từ ngày ngày 11/4/2021 đến ngày 02/9/2021
là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 04 \text{ tháng} = 1.179.000 \text{ đồng}$.

Khoản vay 20.000.000 đồng từ ngày ngày 12/5/2021 đến ngày 02/9/2021
là: $20.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng} = 553.000 \text{ đồng}$.

Khoản vay 30.000.000 đồng từ ngày ngày 07/6/2021 đến ngày 02/9/2021
là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} = 713.000 \text{ đồng}$.

Khoản vay 50.000.000 đồng từ ngày ngày 02/7/2021 đến ngày 02/9/2021
là: $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} = 830.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng: $6.860.800 \text{ đồng} + 3.181.000 \text{ đồng} + 1.106.000 \text{ đồng} + 1.411.000 \text{ đồng} + 868.500 \text{ đồng} + 1.179.000 \text{ đồng} + 553.000 \text{ đồng} + 713.000 \text{ đồng} + 830.000 \text{ đồng} = 16.702.300 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn đồng ý nhận 7.500.000 đồng là thấp hơn số tiền bị đơn phải trả nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn thỏa theo Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự.

Đối với khoản lãi của số tiền vốn 335.000.000 đồng kể từ ngày 02/9/2021 đến ngày 27/10/2023 với mức lãi suất 0.83%/tháng, bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: $335.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 25 \text{ tháng} = 71.829.000 \text{ đồng}$.

Đại diện nguyên đơn trình bày trong quá trình cho vay giữa nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi suất là 2%/ tháng nhưng bị đơn cho rằng ban đầu là 9%/tháng nhưng sau đó còn 7,5% tháng, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi 0,83%/ tháng nên căn cứ khoản 2 Điều 468 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Tổng số tiền vốn lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là $335.000.000 \text{ đồng} + 71.829.000 \text{ đồng} = 406.829.000 \text{ đồng}$.

[3.] Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn trả lại cho bị đơn 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 564734 do Ủy ban nhân dân thị xã V cấp cho hộ bà Hồng Thị Ú vào ngày 03/7/2002 đối với thửa đất số 328, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại Khóm C, Phường D, thị xã V và bản di chúc ngày 23/11/2004 của bà Hồng Thị Út .

[4.] Lời trình bày của luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.] Về án phí: Buộc bị đơn bà Trần Thị Mai L1 phải chịu 20.273.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92; Điều 147 và Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Kim L.

Buộc bà Trần Thị Mai L1 phải trả cho bà Hoàng Thị Kim L số tiền 406.829.000 đồng (Bốn trăm lẻ sáu triệu tám trăm hai mươi chín ngàn đồng). Trong đó vốn 335.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi lăm triệu đồng); lãi 71.829.000 đồng (Bảy mươi một triệu tám trăm hai mươi chín ngàn đồng).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hoàng Thị Kim L trả cho bà Trần Thị Mai L1 một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 564734 do Ủy ban nhân dân thị xã V cấp cho hộ bà Hồng Thị Ú vào ngày 03/7/2002 đối với thửa đất số 328, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại Khóm C, Phường D, thị xã V và bản di chúc ngày 23/11/2004 của bà Hồng Thị Út .

3. Về án phí:

Buộc bị đơn bà Trần Thị Mai L1 phải chịu 20.273.000 đồng (Hai mươi triệu hai trăm bảy mươi ba ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền 10.220.000 đồng (Mười triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí cho bà Hoàng Thị Kim L theo biên lai thu số N₀ 0002204 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TPVL;
- CCTHADS TPVL;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Diễm

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ VĨNH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH VĨNH LONG**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 10 phút, ngày 27 tháng 10 năm 2023.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc D2

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn C.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ H.

Tiến hành nghị án vụ án DSST thụ lý số 233/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Hoàng Thị Kim L, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số nhà F, đường N, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Tiên D, sinh năm 1965; địa chỉ: Số F, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Hồ N là luật sư của Công ty L2 và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh V.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Mai L1, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số nhà B, Khóm D, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92; Điều 147 và Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Kim L.

Buộc bà Trần Thị Mai L1 phải trả cho bà Hoàng Thị Kim L số tiền 406.829.000 đồng (Bốn trăm lẻ sáu triệu tám trăm hai mươi chín ngàn đồng). Trong đó vốn 335.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi lăm triệu đồng); lãi 71.829.000 đồng (Bảy mươi một triệu tám trăm hai mươi chín ngàn đồng).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hoàng Thị Kim L trả cho bà Trần Thị Mai L1 một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 564734 do Ủy ban nhân dân thị xã V cấp cho hộ bà Hồng Thị Ú vào ngày 03/7/2002 đối với thửa đất số 328, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại Khóm C, Phường D, thị xã V và bản di chúc ngày 23/11/2004 của bà Hồng Thị Út.

3. Về án phí:

Buộc bị đơn bà Trần Thị Mai L1 phải chịu 20.273.000 đồng (Hai mươi triệu hai trăm bảy mươi ba ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền 10.220.000 đồng (Mười triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí cho bà Hoàng Thị Kim L theo biên lai thu số N₀ 0002204 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1.....

2.....

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ VINH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH VINH LONG**

Số: 527/2023/QĐ-SCBSBA

TP ., ngày 31 tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do tính toán sai trong bản án số: 145/2023/DS-ST ngày 13/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thanh N1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số D, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Chị Trương Thị Minh H1, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Số D, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Tô Vĩnh H2 của Công ty L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh V.

Bị đơn:

1. Anh Trương Minh T, sinh năm 1979.

2. Chị Nguyễn Huỳnh A, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Số G, đường P, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung bản án số: 145/2023/DS-ST ngày 13/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long như sau:

Tại dòng thứ 7 từ trên xuống, trang 7 của bản án đã ghi: “3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn trả cho anh Trương Minh T: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 969, tờ bản đồ số 02, diện tích 10.236m² tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, do ông Nguyễn Văn H3 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 11, diện tích 1105,2m² tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, do ông Nguyễn Văn T1 đứng tên trong giấy chứng nhận”

Nay sửa chữa bổ sung như sau: “3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn trả cho anh Trương Minh T: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 969, tờ bản đồ số 02, diện tích 10.236m² tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, do ông Nguyễn Văn H3 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 11, diện tích 1105,2m² tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, do ông Nguyễn Văn T1 đứng tên trong giấy chứng nhận”

Dành cho ông Nguyễn Văn H3 một vụ kiện khác đối với ông Trương Minh T trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 969, tờ bản đồ số 02, diện tích 10.236m² tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Dành cho ông Nguyễn Văn T1 một vụ kiện khác đối với ông Trương Minh T trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 11, diện tích 1105,2m² tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

TÒA

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Diễm

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ VĨNH LONGĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH VĨNH LONG**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về việc hoãn phiên tòa

Vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 18 tháng 7 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Ngọc Thu.

2. Bà Huỳnh Thị Chi.

Tiến hành nghị án vụ án DSST thụ lý số 55/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Hồ Thị Ngọc Hoa, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số 126/35D, đường Trần Phú, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Hoa: Bà Lê Thị Minh Hương; nơi cư trú: Số 09, đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Theo văn bản ủy quyền ngày 21/3/2022 (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Lê Trung Tuyết Hằng, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số nhà 110, đường Trần Văn Ôn, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Căn cứ Điều 235 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Xét thấy: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không lý do.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 233, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định Hoãn phiên tòa ngày 18/7/2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1.....

2.....

Kế hoạch xét hỏi:

- Hỏi bà Hai:

1. Giữa bà và bà Phụng có mối quan hệ ntn

2. Bà và bà Phụng có vay mượn tiền với nhau k

Bà trình bày cho HĐXX biết việc vay mượn giữa bà và bà P

Vay mấy lần

3. Khi vay có làm biên nhận nợ không, có lãi k

4. Ghi vào sổ nợ của bà P, k có làm biên nhận, cách ghi như thế nào

5. Khi ghi số tiền bằng số rồi xuống hàng ghi ngày vay, như vậy khi ghi số tiền bằng số xong có ghi bằng chữ không.

Bà khẳng định là vay 5 lần tổng cộng là 70tr, chỉ ghi trong 01 tờ giấy trong sổ nợ phải không, và bà chỉ ký tên trên cùng gốc phải của tờ giấy.

Bà đã trả cho bà Phụng được bao nhiêu

Còn bao nhiêu vốn.

- Hỏi bà Phụng:

Bà Hai trình bày có đúng không

Không đúng chỗ nào, bà trình bày cho HĐXX biết việc vay mượn của bà với bà Hai

Vay mấy lần, có làm biên nhận không, lãi suất bao nhiêu?

Cách viết trong sổ nợ ra sao?

Khi ghi số tiền bằng số rồi xuống hàng ghi ngày vay, như vậy khi ghi số tiền bằng số xong có ghi bằng chữ không?

Trong 2 biên nhận bà nộp cho Tòa tại sao bà ghi chữ vào?

Biên nhận 10tr bà sửa lại từ số tiền 15 tr, bà trình bày trước đây có ghi chữ vào từng khoản tiền thì tại sao trong biên nhận này bà thừa nhận là sửa từ 15 tr còn 10tr mà k có bôi xóa như từ số 5 thành số 0 mà ghi mười triệu rõ ràng.

Khi ông Chung trả cho bà 50tr bà có làm biên nhận cho ông Chung không, trong biên nhận này bà ghi số tiền còn nợ lại là bao nhiêu không?

Lúc bà nhận tiền từ ông Chung có mặt bà Hai ở đó không?

Bà làm biên nhận cho ông Chung xong bà đưa ai ?

Ông Chung có quan hệ như thế nào với bà?

Bà khẳng định là bà cho bà Hai vay 5 lần, mỗi lần là 15tr, và đều ghi từng tờ giấy trong sổ, có chữ ký của bà Bé Hai?

Bà Hai cho rằng vay của bà có 70 tr thôi qua các lần...., đã trả 50tr còn 20 tr bà có ý kiến gì không? Đồng ý hay không?

Bà yêu cầu bà Hai trả bao nhiêu ? Căn cứ chứng minh cho yêu cầu của bà là gì?

Tại sao dưới số tiền 10tr, 15tr bà lại ghi ngày tháng liên tục, đó là ngày gì?

- Hỏi bà Hai:

(Đưa biên nhận 15tr cho bà Hai coi)

Phải chữ ký của bà không?

(Đưa biên nhận 10tr cho bà Hai coi)

Phải chữ ký của bà không?

Bà căn cứ vào đâu mà bà biết số tiền bà vay của bà P 70tr

Trong tờ giấy ghi lãi này lãi suất là 15%/ tháng bà mới suy ra số tiền phải k? Trong tờ giấy này ghi như vậy là để bà biết từng ngày trong tháng phải trả lãi số tiền này phải không?

Do đó bà căn cứ vào đây bà biết số tiền vốn bà đã vay?

Bà trình bày bà vay 70tr chỉ ghi trong 1 giấy nợ, nhưng tại sao trong biên nhận 15tr lại có chữ ký của bà.

Ngày 05/3 al bà cho rằng vay có 10 triệu nhưng trong biên nhận là 15tr có chữ ký của bà. Bà giải thích cho HĐXX nghe.

Ngày 09/3 al bà cho rằng bà vay 15tr (do từ bảng tính lãi bà suy ra tiền vốn) bà Phượng cũng thừa nhận ngày đó bà vay 15tr, phải chữ ký của bà k? Nếu không phải chữ ký tại sao số tiền lại khớp với biên nhận của bà. Do bà Phượng thừa nhận là bà sửa từ 15tr xuống còn 10tr.

Từ khi vay đến nay bà trả cho bà Phượng bao nhiêu tiền lãi? **(công bố đơn phản tố 51)**

Khi bà trả lãi cho bà Phượng bà có chứng cứ gì không?

Khi vay thì không làm biên nhận, chỉ ghi số tiền, ngày vay có ký tên, nhưng trả lãi thì không có ghi ngày trả, số tiền và ký tên gì hết.

Tại phiên tòa hôm nay bà còn giữ nguyên yêu cầu phản tố của bà không?

Yêu cầu bà Phượng trả cho bà bao nhiêu?

Bà trừ bao nhiêu tiền vốn, bao nhiêu tiền lãi?

- Hỏi bà Phượng:

Từ khi vay đến nay bà Hai đã trả cho bà bao nhiêu tiền lãi?

Ngày nào, bao nhiêu?

Số tiền lãi này là bà tự ghi phải k, tại sao bà phải ghi?

Từ khi ông Chung trả cho bà 50tr tới nay bà Hai còn trả cho bà tiền lãi nữa k?

Bà chỉ nhận có 12tr từ khi cho vay đến ngày 18/5/2021 à?

- Hỏi bà Hai:

Tại sao khi bà trả lãi bà Phụng lại theo dõi bằng cách tự ghi để nhớ mà bà lại không có ghi, hoặc yêu cầu bà Phụng ký tên.

Giữa bà và bà Phụng có cự cãi về việc trả lãi không? Vậy tại sao Bà không tự mình ghi số tiền, ngày trả rồi yêu cầu bà Phụng ký tên để không còn cự cãi.

Từ khi ông Chung trả cho bà P 50tr tới nay bà còn trả cho bà P khoản tiền lãi nào nữa k?

- Hỏi ông Chung:

Ông có quan hệ như thế nào với bà Hai và bà Phụng

Ông có biết việc vay tiền giữa 2 người này không

Vậy tại sao ông biết.

Ngày 18/5/2021 âm lịch tức ngày 27/6/2021 dương lịch ông có trả tiền cho bà Phụng k

Bao nhiêu? Lúc trả tiền có mặt ai?

Khi trả ông có hỏi bà Phụng bà Hai thiếu bao nhiêu không?

Ông nghe bà Hai nói 75tr, ông trả 50tr còn 25tr, ông mới kêu bà Phụng làm biên nhận cho ông

Sau khi trả xong ông có hỏi bà Hai đúng số tiền đó k ? Tại sao k hỏi?

Biên nhận bà P làm ai giữ ? Ông có đưa cho bà Hai coi không?

Ông giữ để làm gì?

Ông và bà Hai có ở chung nhà không?

Ông bà ở chung nhà, mà bà Hai vay bà Phụng bao nhiêu tiền ông chỉ hỏi bà Phụng không hỏi bà Hai để xác định lại, khi trả tiền thì ông giữ luôn biên nhận không đưa bà Hai coi?